

THƯ DỤ⁽¹⁾ VƯƠNG THÔNG⁽²⁾ LẦN NỮA

(Tái dụ Vương Thông thư)

NGUYỄN TRÃI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được ý chí quyết thắng, tinh thần yêu chuộng hoà bình của quân dân ta và chiến lược "đánh vào lòng người" thể hiện qua bức thư.
- Nắm được nghệ thuật lập luận sắc bén, mạnh mẽ, giàu sức thuyết phục của tác giả.

TIỂU DẪN

Trong sự nghiệp phò giúp Lê Lợi đánh quân Minh, Nguyễn Trãi được lệnh nhân danh Lê Lợi soạn thảo thư từ gửi cho các tướng nhà Minh như Phương Chính, Vương Thông, Sơn Thọ, Thái Phúc để khuyên dụ chúng. Nguyễn Trãi đã thực hiện chiến thuật, chiến lược "công tâm"⁽³⁾, khiến cho quân địch ở các thành Tam Giang (Việt Trì), Nghệ An, Thuận Hoá, Tây Đô phải ra hàng. Đúng như học giả Bùi Huy Bích (1744 - 1818) nói : "Các bức thư này có sức mạnh của mười vạn quân".

Sau khi Nguyễn Trãi qua đời, các bức thư này được sưu tập thành *Quân trung từ mệnh tập* (Tập văn từ lệnh dùng trong quân sự) trong bộ *Ức Trai tập* do Dương Bá Cung biên tập, khắc in vào năm 1868, đời Tự Đức.

Thư dụ Vương Thông lần nữa là thư số 35, một trong nhiều bức thư gửi cho Vương Thông, phân tích tình thế, thách đánh, dụ hàng. Lúc bấy giờ thành Đông Quan⁽⁴⁾ bị quân ta vây hãm từ tháng 10 năm Bính Ngọ (1426), quân Minh trong thành khốn đốn. Vương Thông tung tin viện binh sắp sang và

(1) *Dụ* : bảo cho biết, người trên bảo người dưới gọi là dụ.

(2) *Vương Thông* : quan Tổng binh, chỉ huy quân tiếp viện gồm năm vạn tên, từ tháng 9 - 1426 tiến sang ngăn chặn cuộc tấn công ra phía bắc của nghĩa quân, nhưng bị quân ta đánh bại, phải bỏ chạy về cố thủ ở thành Đông Quan.

(3) *Công tâm* : đánh vào lòng người, tức là dùng lí lẽ làm tan rã tinh thần, ý chí của đối phương, khiến cho chúng phải tâm phục.

(4) *Đông Quan* : Sau khi chiếm thành Thăng Long, quân Minh liền đổi tên thành là Đông Quan. Trước đó, nhà Hồ sau khi dời đô vào Tây Đô ở Thanh Hoá, gọi Thăng Long là Đông Đô hoặc Đông Kinh.

khuếch đại thế lực nhà Minh để động viên quân lính. Nguyễn Trãi viết bức thư này vào khoảng tháng 2 - 1427 nhằm phân tích tình hình khó khăn mọi mặt của quân Minh, vạch rõ nguy cơ bại vong nếu chúng vẫn ngoan cố giữ thành. Kết quả là đến tháng 10 năm ấy, sau khi Liễu Thăng bị giết, Vương Thông không đợi lệnh vua Minh, "tự ý giảng hoà" với quân Lam Sơn, đầu hàng rồi kéo quân về nước.

*

* *

Thư kính đưa quan Tổng binh và các vị đại nhân.

Người giỏi dùng binh⁽¹⁾ là ở chỗ hiểu biết thời thế. Được thời và có thế thì biến mất thành còn, hoá nhỏ thành lớn ; mất thời và không thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại thành nguy, sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảng trở bàn tay. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại che đậy bằng lời dối trá, thế chẳng phải là hạng thất phu⁽²⁾ đốn hèn ư ? Sao đủ để cùng nói việc binh được ?

Trước đây các ông trong lòng gian dối, ngoài mặt mượn cớ giảng hoà, đắp lỹ đào hào, chờ quân cứu viện, lòng dạ và hành động bất đồng, trong ngoài bất nhất, sao đủ khiến ta tin mà không ngờ được. Cổ nhân có câu rằng : "Bụng dạ kẻ khác ta lường đoán được", nghĩa là thế đó. Ngày xưa nhà Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế⁽³⁾ bốn bể, không chăm lo đức chính⁽⁴⁾, thân mất nước tan. Nay Ngô⁽⁵⁾ mạnh không bằng Tần, mà hà khắc lại quá, không đầy một năm tất sẽ theo nhau mà chết, ấy là mệnh trời, không phải sức người vậy. Hiện nay phía bắc có kẻ địch Thiên Nguyên⁽⁶⁾, phía nam có mối lo nội loạn ở các xứ Tâm Châu⁽⁷⁾, một khu Giang Tô⁽⁸⁾ không tự giữ được, huống còn mưu toan đi cướp nước khác ư ? Các ông không hiểu sự thế, bị người đánh bại, lại còn chực dựa uy Trương Phụ⁽⁹⁾, thế có phải là đại trượng phu⁽¹⁰⁾ chăng, hay chỉ là đàn bà thối ?

(1) *Dùng binh* : sử dụng quân đội vào việc đánh dẹp.

(2) *Thất phu* : người đàn ông tầm thường.

(3) *Chuyên chế* : chế độ cai trị độc đoán.

(4) *Đức chính* : nền chính trị nhân đức.

(5) *Ngô* : Chu Nguyên Chương, vua Thái Tổ nhà Minh, dấy nghiệp ở đất Ngô, tự xưng là Ngô Vương.

(6) *Thiên Nguyên* : hậu chúa của nhà Nguyên lúc đó còn giữ một phần bắc Trung Quốc, đặt niên hiệu là Thiên Nguyên.

(7) *Tâm Châu* : thuộc tỉnh Quảng Tây. Khoảng năm 1426, các tộc người thiểu số ở đây nổi dậy chống nhà Minh.

(8) *Giang Tô* : miền Giang Tô, hạ du sông Trường Giang. Ở đây chỉ nước Ngô.

(9) *Trương Phụ* : tướng nhà Minh mượn cớ diệt nhà Hồ, đem quân xâm lược nước ta (1406 - 1407).

(10) *Đại trượng phu* : người đàn ông có khí phách.

Tình thế ngày nay, dù có vị ngôi cao⁽¹⁾ đem quân đến nữa, cũng chỉ càng mau chết mà thôi, huống chi Trương Phụ chỉ là đến nộp mạng, thì có gì đáng nói ? [...].

Nay các ông kể cùng lực kiệt, lính tráng mỗi mệt, trong không lương thảo, ngoài không viện binh, bấp bờ khu nhỏ mọn, nghỉ tạm thành chợ vợ, há chẳng phải như là thịt trên thớt, cá trong nồi rồi sao ? Thế mà lại còn lừa dối dân ta, dụ dỗ phi nghĩa. Kìa những kẻ trung thần nghĩa sĩ, dù thời cùng vận khốn, cũng nếm mật nằm gai⁽²⁾, không chịu đem lòng kia khác ; lẽ nào ngày nay, lại chịu tin theo những lời bất nghĩa của các ông. Chỉ e người Nam trong thành nhớ mền chúa cũ⁽³⁾, người Ngô ở đây khốn khổ không kham thì những người chống các ông sẽ kéo nhau ra hàng ; như Trương Phi, Lã Bố⁽⁴⁾, các ông lại bị chính thuộc hạ giết hại, đó là lẽ tất nhiên.

Nay ở các thành, từ đó ti⁽⁵⁾ trở xuống, đều căm giận các ông lừa dối, khuyên ta làm cỏ cả thành. Hoặc có kẻ vượt lũy trốn ra, tố cáo cả việc sắp đặt chiến cụ, sửa đóng xe thang. Những người bị khốn sẽ giết lẫn nhau, hà tất phải đợi quân sĩ của ta nữa. Nay ta suy tính họ các ông thì cái cơ bại vong có sáu !

Nước lụt mênh mông, tường rào đổ lở, lương cỏ thiếu thốn, ngựa chết quân ốm ; bại vong đó là một !

Xưa Đường Thái Tông bắt Kiến Đức mà Thế Sung⁽⁶⁾ phải ra hàng ; nay bao nhiêu cửa quan hiểm trở đều có binh tướng đồn đóng, viện binh nếu đến, tất nhiên bị bại, viện binh đã bại, các ông còn trốn đằng trời ; bại vong đó là hai !

Nước ông binh khoẻ ngựa béo, nay còn để cả miền bắc để phòng thủ quân Nguyên, không rồi đâu nhìn sang nước Nam được ; bại vong đó là ba !

Can qua⁽⁷⁾ liên miên, chinh phạt không nghỉ, người chẳng sống yên, nhao nhao thất vọng ; bại vong đó là bốn !

(1) Ở đây chỉ vua nhà Minh.

(2) *Nếm mật nằm gai* : dịch từ thành ngữ Hán "Ngoạ tân thường đảm", nói về việc Việt Vương Câu Tiễn đêm thường ngủ trên đống củi gai (không nghĩ đến sự yên vui), ngày thường nếm mật đắng (không nghĩ đến vị ngon) để không quên chí phục quốc.

(3) Ở đây nói người nước Nam ở thành Đông Quan tuy tạm sống trong vùng quân Minh chiếm đóng, nhưng lòng vẫn nhớ chúa cũ là vua nhà Trần.

(4) *Trương Phi, Lã Bố* : hai nhân vật trong tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung. Cả hai người, do hà khắc với những kẻ dưới quyền, bị họ làm phản, giết chết.

(5) *Đô ti* : chức quan thời Minh, nắm binh quyền tối cao của một tỉnh.

(6) *Kiến Đức, Thế Sung* : Cuối đời Tùy, quân nhà Đường vây hãm Vương Thế Sung ở Lạc Dương. Đâu Kiến Đức đem quân đến cứu, bị Đường Thái Tông phá tan, Kiến Đức bị bắt sống, Thế Sung phải ra hàng.

(7) *Can qua* : (*can* : cái mọc, *qua* : cái mác) chỉ các binh khí dùng trong chiến trận, cũng có nghĩa là chiến tranh.

Gian thân chuyên chính⁽¹⁾, chúa yếu trị vì, xương thịt hại nhau, "gia đình sinh biến" ; bại vong đó là năm !

Nay ta dấy nghĩa quân, trên dưới đồng lòng, anh hùng tận lực, quân lính càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng vừa đánh giặc, trong thành quân sĩ mỗi mệt, tự chước diệt vong ; bại vong đó là sáu !

Ngồi giữ một mảnh thành con, để chờ sáu cái cơ bại vong ấy, thật tiếc thay cho các ông ! Cổ nhân có câu : "Nước xa không cứu được lửa gần". Dù có viện binh đến đây, cũng không ích gì cho sự bại vong cả. Trước đây Phương Chính, Mã Kì⁽²⁾ chỉ chuyên làm những sự hà ngược, sinh linh lâm than, thiên hạ oán thán : nào đào mồ mả của làng ấp ta, nào bắt vợ con của dân ta, kẻ chết hàm oan, người sống bị khổ. Các ông là những người xét rõ sự cơ, hiểu sâu thời thế, vậy nên chém đầu Phương Chính, Mã Kì đem đến cửa quân dâng nộp. Như vậy trong thành sẽ khỏi nạn cá thối⁽³⁾, trong nước sẽ khỏi vạ đau thương, hoà hiếu lại thông, can qua xếp bỏ. Nếu muốn rút quân về nước, ta sẽ sửa sang cầu cống, mua sắm tàu thuyền, thuỷ lục hai đường, tùy theo ý muốn ; quân ra khỏi cõi, muốn phần bảo đảm được yên ổn, không lo ngại gì ; nước ta lại phụng cống xưng thần, theo như lệ trước.

Nếu không nghe lời ta như vậy, thì nên sắm quân dàn trận, ra giao chiến ở giữa đồng bằng để quyết một trận thư hùng⁽⁴⁾, đặng xem cái tài hơn kém, không nên ngồi rủ một xó hang cùng, bắt chước cái lối đàn bà mà mang cái nhục khăn yếm như thế !

Theo bản dịch của TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN
(*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X - XVII, Sđd*)^(*)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy cho biết Nguyễn Trãi viết bức thư trong hoàn cảnh nào, nhằm mục đích gì.
2. Bức thư có thể chia làm mấy đoạn ? Nêu ý chính mỗi đoạn.

(*) Người biên soạn có tham khảo bản dịch của Phan Duy Tiếp ở sách *Nguyễn Trãi toàn tập* (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976) và phần hiệu đính của Nguyễn Văn Nguyễn trong *Nguyễn Trãi toàn tập, tân biên* (NXB Văn học, Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 1999).

(1) *Chuyên chính* : nắm quyền cai trị độc đoán.

(2) *Phương Chính* : Đô đốc quân Minh ; *Mã Kì* : viên hoạn quan nhà Minh. Cả hai chỉ huy quân Minh trấn áp cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi.

(3) *Nạn cá thối* : ý nói bị giết hại như cá trên thớt, mặc cho người ta mổ xẻ.

(4) *Thư hùng* : sống mái. *Quyết một trận thư hùng* : chiến đấu một mất một còn.

3. Mở đầu bức thư, tác giả quan niệm thế nào về thời thế đối với người dùng binh giỏi ? Bức thư chỉ rõ tình thế của quân Minh ra sao (ở Trung Quốc, ở Việt Nam) ? Từ đó tác giả đã vạch rõ các nguyên nhân thất bại của chúng. Hãy phân tích các lí lẽ giàu sức thuyết phục trong bức thư.
4. Tư thế của người viết thư thể hiện qua lời lẽ như thế nào ? Phân tích một số lời xưng hô và hình ảnh tiêu biểu trong thư.
5. Niềm tin tất thắng và tinh thần yêu chuộng hoà bình của tác giả thể hiện ở những điểm nào trong bức thư ? Nêu và phân tích một vài dẫn chứng.
6. Anh (chị) hãy nêu nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Phân tích chiến lược "đánh vào lòng người" của Nguyễn Trãi thể hiện trong *Thư dụ Vương Thông lần nữa* (chỉ rõ chỗ dùng lí, chỗ dùng tình, khi sỉ nhục, khi khiêu khích, khi vỗ về, mở ra viễn cảnh tốt đẹp,...).